TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 12 - 2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Bà Phan Thị Nga.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Anh Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 595/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 542/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 645/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 15, ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trương T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày,* do tự tìm hiểu, bà N và ông T kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 24/4/2020. Trong thời gian chung sống, vợ

chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Thị Khởi M, sinh ngày 13/5/2020. Hiện tại, con chung đang được bà N nuôi dưỡng.

Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra bất hòa, mâu thuẫn không giải quyết được, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 24/4/2020 do Ủy ban nhân dân xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trương T; giấy khai sinh số 132, ngày 18/5/2023 do Ủy ban nhân dân xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Khởi M (bản sao).

- Bị đơn ông Nguyễn Trương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà N và ông T kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra bất hòa, mâu thuẫn không giải quyết được và không còn sống chung khoảng 03 năm nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Bà N, ông T không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm. Do đó, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu M cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu M nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T; bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trương T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Trương T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà N và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà N xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả do do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra bất hòa, mâu thuẫn không giải quyết được và không còn sống chung khoảng 03 năm nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà N và ông T thường xuyên cãi vả và không còn sống chung khoảng 03 năm nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà N, ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Thị Khởi M, sinh ngày 13/5/2020, hiện con

chung đang sinh sống với bà N, bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu M phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu M cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu M nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Trương T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 24/4/2020 do Ủy ban nhân dân xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trương T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thị Khởi M, sinh ngày 13/5/2020. Ông Nguyễn Trương T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Trần Thị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Trương T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013997 do Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 09 tháng 10 năm 2023; bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Trương T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm của bà Trần Thị N, ông Nguyễn Trương T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy